TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2024/DS-ST
Ngày 20-8-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Hoàng Hân.

Ông Lê Quang Đầy.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm Thành Công – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Ẩn – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 110/2024/TLST - DS ngày 24 tháng 4 năm 2024 về "tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2024/QĐXXST – DS ngày 15 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng A.

Địa chỉ: Tòa nhà AA - Bán đảo LĐ, phường HL, quận HM, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Ca S – Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng A huyện Năm Căn (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm S, thị trấn NC, huyện NC, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*:

+ Ông Đặng Phong N, sinh năm 1983 (vắng mặt).

+ Bà Trần Yến N1, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: ấp MV, xã TGĐ, huyện NC, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 23/4/2024 và quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Căn cứ hợp đồng tín dụng đã ký kết

giữa ông Đặng Phong N và bà Trần Yến N1 (người thừa kế) với Phòng giao dịch Ngân hàng A cụ thể như sau: Số khế ước vay tiền 6600000720378872 ngày 22/4/2021 với số tiền vay 45.000.000 đồng, hạn trả ngày 22/4/2026, lãi suất 9%/năm, lãi suất quá hạn 11,7%/năm. Số tiền còn nợ đến ngày 18/4/2024: tiền gốc 45.000.000 đồng, tiền lãi là 7.646.405 đồng.

Sau khi vay ông N và bà N1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, nay Ngân hàng A kiện ông N và bà N1 phải hoàn trả lại 45.000.000 đồng tiền nợ gốc, tiền lãi tính đến ngày 18/4/2024 là 7.646.405 đồng, tổng cộng phải thanh toán bằng 52.646.405 đồng và lãi phát sinh từ ngày khởi kiện đến thời điểm tất toán khoản nợ.

- Bị đơn ông Đặng Phong N trình bày: Ông thừa nhận có vay Ngân hàng A và hiện còn nợ vốn, lãi đúng như nguyên đơn khởi kiện. Tuy N1ên, sau khi vay thì đến dịch Covid - 19 nên gia đình gặp N1ều khó khăn, tiền vốn lãi dồn lại hàng tháng quá nhiều đến nay không có khả năng thanh toán được. Nay ông đồng ý trả 8.000.000 đồng tiền lãi cho Ngân hàng, phần vốn đúng 06 tháng trả 01 lần 4.500.000 đồng cộng lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi hết số nợ.

- Bị đơn bà Trần Yến N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và không có ý kiến, yêu cầu gì đối với nội dung nguyên đơn khởi kiện.

- Tại phiên tòa Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng quy định pháp luật về thủ tục tố tụng giải quyết vụ án dân sự. Qua xem xét lời trình bày của các đương sự và các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, Điều 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 27, khoản 1 Điều 30, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 100, Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng; điểm c khoản 1 Điều 11, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng A.

Buộc ông Đặng Phong N và bà Trần Yến N1 liên đới thanh toán cho Ngân hàng A tổng số tiền vốn vay và lãi suất tính đến ngày 18/4/2024 là 52.646.405 đồng (trong đó vốn gốc là 45.000.000 đồng, lãi là 7.646.405 đồng).

Về án phí: ông N và bà N1 phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông S và ông N vắng mặt có văn bản xin vắng mặt; bà Trần Yến N1 được Tòa án tống đạt hợp lệ đến lần thứ 02 để tham gia hòa giải, phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào hợp đồng tín dụng được lập giữa các bên đã có đủ căn cứ xác định: Ngày 22/4/2021 ông Đặng Phong N và bà Trần Yến N1 (người thừa kế) ký kết Hợp đồng tín dụng số 6600000720378872 với Phòng giao dịch Ngân hàng A vay 45.000.000 đồng, hạn trả ngày 22/4/2026, số kỳ trả gốc: 10, định kỳ trả gốc: 06 tháng bắt đầu từ ngày 22/10/2021, số tiền trả mỗi kỳ 4.500.000 đồng, lãi suất 9%/năm, lãi suất quá hạn 11,7%/năm. Việc thỏa thuận, ký kết Hợp đồng, khế ước nhận nợ là có thật, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định của pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Đến nay dư nợ lãi trong hạn nhưng bị đơn vẫn không thực hiện việc trả nợ gốc, lãi theo thoả thuận trong hợp đồng tín dụng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Do đó, yêu cầu đòi nợ gốc, lãi của nguyên đơn là có căn cứ, được chấp nhận.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật số tiền 2.632.320 đồng (52.646.405 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A. Buộc ông Đặng Phong N và bà Trần Yến N1 phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng A tổng số tiền vốn và lãi bằng 52.646.405 đồng tính đến ngày 18/4/2024 (trong đó: Nợ gốc 45.000.000 đồng, nợ lãi 7.646.405 đồng).

2. Ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày ban hành bản án, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày ban hành bản án khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo bản án của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay

3. Án phí dân sự ông Đặng Phong N và bà Trần Yến N1 phải chịu 2.632.320 đồng (chưa nộp).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- CCTHADS huyện Năm Căn;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên